

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN KỲ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 15/2021/HS-ST

Ngày: 25-03-2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Phạm Công Thành**. Nghề nghiệp: Giáo viên trường THPT Tân Kỳ.

Bà: **Lê Thị Mai Hà**. Nghề nghiệp: Hội phụ nữ huyện Tân Kỳ.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Thanh Bình** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ làm thư ký

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST, ngày 10/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Dũng C**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15/4/1984 tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT/Chỗ ở: Xóm TT, xã TP, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Trần Xuân H - Sinh năm: 1937; con bà: Cao Thị N - Sinh năm: 1945; vợ: Tăng Thị P - Sinh năm: 1987; con có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/3/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chu Văn B, sinh năm 1975, trú tại: Xóm TT, xã NH, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Anh Cao Xuân L, sinh năm 1990, trú tại: Xóm NX, xã GX, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1985, trú tại: Xóm TS, xã TH, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Anh Kim Văn P, sinh năm 1989, nơi cư trú xóm TS, xã HS, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
5. Anh Trần Vũ L, sinh năm 1990, trú tại: Xóm TY, xã YP, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
6. Anh Hồ Văn T, sinh năm 1982, trú tại: Xóm VL, xã GX, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
7. Anh Trần Văn P, sinh năm 1979, nơi cư trú xóm ĐT, xã NH, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
8. Anh Bùi Ngọc V, sinh năm 1972, nơi cư trú xóm XL, xã TP, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.
9. Anh Thái Duy T, sinh năm 1992, trú tại: Xóm TY, xã TP, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 18/12/2019 đến ngày 29/12/2020, do muốn thu lợi bất chính nên Trần Dũng C đã thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

** Giao dịch cho vay với anh Chu Văn B, sinh năm 1975, trú tại: Xóm TT, xã NH, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.*

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2019, do thiếu tiền đóng bảo hiểm nên anh Chu Văn B đã đến cửa hàng Cầm đồ Dũng C thuộc xóm Tân Thái, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An gặp anh Trần Dũng C và vay số tiền: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), với lãi suất 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) anh B vay phải trả cho Trần Dũng C số tiền 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*) tiền lãi suất một ngày. Đến ngày 24/12/2019, Trần Dũng C đã thu của anh B số tiền lãi suất của 06 (sáu) ngày vay là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), tương đương với mức lãi suất 180%/ năm ($0.5\%/ngày$) gấp 09 lần mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự (20%/năm, tương đương $0,05555\%/ngày$). Mức lãi suất Trần Dũng C được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $15.000.000đ \times 0.05555\% \times 06 \text{ ngày} = 49.995 \text{ đồng}$ (*Bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng*). Số tiền mà Trần Dũng C đã thu lợi bất chính là: $450.000đ - 49.995đ = 400.005 \text{ đồng}$ (*Bốn trăm nghìn không trăm L năm đồng*).

Đến ngày 24 tháng 12 năm 2019, sau khi trả xong số tiền lãi suất khoản vay lúc đầu anh Chu Văn B tiếp tục sử dụng chiếc ô tô KIA CARENS, biển kiểm soát: 37A - 061.22 của anh Chu Văn B thế chấp vay thêm của Trần Dũng C số tiền: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Cộng với số tiền gốc lần vay trước chưa trả thì anh Chu Văn B vay của Trần Dũng C tổng số tiền: 35.000.000 đồng (*Ba lăm triệu đồng*). Trần Dũng C tiếp tục tính mức lãi suất (Năm nghìn

đồng)/ngày/1 triệu đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2020, do anh Chu Văn B không có khả năng trả thêm lãi nên Trần Dũng C đã dừng tính lãi và tính lại lãi suất từ ngày 15/02/2020 đến 15/9/2020 cho anh B, với mức (Bốn nghìn đồng)/ngày/1 triệu đồng. Từ ngày 24/12/2019 đến ngày 15/2/2020 (54 ngày) Trần Dũng C tính số tiền lãi suất mà anh Chu Văn B phải trả là: 9.450.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, tại thời điểm đó do không đủ tiền nên Chu Văn B chỉ trả cho Trần Dũng C số tiền: 6.850.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi suất. Còn lại số tiền: 2.600.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền lãi suất anh Chu Văn B chưa thanh toán cho Trần Dũng C. Sau đó, số tiền này được cộng dồn vào lãi suất của kỳ sau. Lãi suất hợp pháp mà Trần Dũng C được hưởng trong thời gian 54 ngày là $35.000.000đ \times 0.05555\% \times 54 = 1.049.895$ đồng (*Một triệu không trăm bốn chín nghìn tám trăm chín lăm đồng*). Số tiền lãi suất mà Trần Dũng C thu lợi bất chính là: $6.850.000đ - 1.049.895đ = 5.800.105$ đồng (*Năm triệu tám trăm nghìn một trăm L năm đồng*).

Trong khoảng thời gian 15/02/2020 đến 15/9/2020 (07 tháng). Trần Dũng C đã tính số tiền lãi suất cho anh Chu Văn B phải trả là: 29.400.000 đồng. (*Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*). Cộng với số tiền lãi suất anh Chu Văn B còn nợ ở kỳ trước là: 2.600.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được Trần Dũng C bớt xuống còn phải trả là: 462.000 đồng (*Bốn trăm sáu hai nghìn đồng*) nên tổng số tiền lãi suất anh Chu Văn B phải trả cho Trần Dũng C là: 29.862.000 đồng (*Hai chín triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Tuy nhiên, Trần Dũng C chỉ mới thu được của anh Chu Văn B số tiền lãi suất trong hai tháng đầu (Từ 15/02/2019 đến 15/04/2019) là: 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Mức lãi suất hợp pháp Trần Dũng C được hưởng trong thời gian 02 (hai) tháng là: $35.000.000đ \times 1.66666\% \times 02 \text{ tháng} = 1.166.662$ đồng (*Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng*). Số tiền lãi suất Trần Dũng C thu lợi bất chính là: $8.500.000đ - 1.166.662đ = 7.333.338$ đồng (*Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba tám đồng*). Hiện tại anh Chu Văn B còn nợ Trần Dũng C số tiền: 21.362.000 đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm sáu hai nghìn đồng*) tiền lãi suất và chưa thanh toán tiền nợ gốc cho Trần Dũng C.

Tổng số tiền lãi suất mà Trần Dũng C thu lợi bất chính của anh Nguyễn Văn B là $400.005đ + 5.800.105đ + 7.333.338đ = 13.533.448$ đồng (*Mười ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng*).

* *Giao dịch cho vay với anh Cao Xuân L, sinh năm 1990, trú tại: Xóm Nước Xanh, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.*

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15 tháng 5 năm 2020, anh Cao Xuân L đang ngồi chơi ở nhà anh Trần Văn C, sinh năm 1981, trú tại: Xóm Nước Xanh, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An thì anh C có nói với anh L: “*Anh đang thiếu tiền, chú biết chỗ mô cầm xe thì cầm tạm anh với*”. Nghe vậy, Cao

Xuân L đồng ý rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER, biển kiểm soát: 37N1 - 217.36 của anh Trần Văn C đến cửa hàng cầm đồ Dũng C rồi gặp Trần Dũng C và thế chấp chiếc xe mô tô nói trên, để vay số tiền: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), với mức lãi suất (Năm nghìn đồng)/ngày/1 triệu đồng. Từ ngày 15/05/2020 đến ngày 15/12/2020 (07 tháng), Trần Dũng C đã thu của Cao Xuân L số tiền lãi suất là: 8.400.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*), tương đương mức lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Mức lãi suất hợp pháp Trần Dũng C được hưởng theo quy định của pháp luật là : $8.000.000đ \times 1.66666\% \times 07 \text{ tháng} = 933.329 \text{ đồng}$ (*Chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai chín đồng*).

Số tiền lãi suất Trần Dũng C thu lợi bất chính là: $8.400.000đ - 933.329đ = 7.466.671 \text{ đồng}$ (*Bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*).

* *Giao dịch cho vay tiền với anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1985, trú tại: Xóm Tân Sơn, xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.*

Vào khoảng 17 giờ 00 Pt ngày 10 tháng 12 năm 2020, do thiếu tiền làm ăn nên anh Nguyễn Công Q cùng với anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986, trú tại: Xóm Tân Sơn, xã Hương Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An và anh Nguyễn Vĩnh N, sinh năm 1983, trú tại: Xóm Đồng Mỹ, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đến cửa hàng cầm đồ Dũng C rồi gặp Trần Dũng C là chủ quán, anh Q đặt vấn đề cầm cố tài sản là chiếc xe ô tô TOYOTA FORTUNER, mang biển kiểm soát: 37A - 599.16 để vay số tiền: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận Trần Dũng C và anh Nguyễn Công Q thống nhất cầm chiếc ô tô trên để vay số tiền: 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), với mức lãi suất (Bốn nghìn đồng)/ngày/1 triệu đồng. Thời gian vay là 02 tháng (60 ngày). Sau khi hai bên thống nhất số tiền cho vay và lãi suất Trần Dũng C lấy một tờ giấy hợp đồng cầm đồ ghi các thông tin vào tờ hợp đồng rồi đưa anh Q ký vào mục người vay. Trần Dũng C tính lãi suất rồi cắt lãi và giữ lại số tiền: 43.000.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu đồng*) là tiền lãi suất mà anh Nguyễn Công Q phải trả khi vay của Trần Dũng C số tiền: 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), trong thời gian vay là 02 (hai) tháng (60 ngày) và chỉ đưa cho anh anh Nguyễn Công Q số tiền: 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*). Lãi suất hợp pháp mà Trần Dũng C được hưởng trong thời gian vay 60 ngày là: $180.000.000đ \times 0,05555\% \times 60 \text{ ngày} = 5.999.400 \text{ đồng}$ (*Năm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng*).

Số tiền lãi suất mà Trần Dũng C thu lợi bất chính là: $43.000.000đ - 5.999.400đ = 37.000.600 \text{ đồng}$ (*Ba mươi bảy triệu không trăm nghìn sáu trăm đồng*).

* *Giao dịch cho vay lãi nặng với anh Kim Văn P, sinh năm 1989, nơi cư trú xóm Tân Sơn, xã Hương Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An*

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/12/2020, anh Kim Văn P cùng với anh Lê Văn N, sinh năm 1988, trú tại: Xóm 2, xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đến Cửa hàng cầm đồ Dũng C tại xóm Tân Thái, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An và gặp Trần Dũng C là chủ quán. Khi gặp Trần Dũng C thì anh Kim Văn P có hỏi “*Anh có cầm đồ không*” thì Trần Dũng C trả lời “*Em cầm chi đó*” thì anh P chỉ vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α , mang biển số: 37N1 - 183.81 và nói “*Em cầm xe máy ni*”. Sau đó, hai bên thỏa thuận thống nhất anh Kim Văn P thế chấp xe mô tô trên để vay của Trần Dũng C số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), với mức lãi suất (Bốn nghìn đồng)/ngày/1 triệu đồng. Ngày 29/12/2020, anh Kim Văn P đã đến thanh toán tiền nợ gốc cho Trần Dũng C là: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và thanh toán tiền lãi suất từ ngày 23/12/2020 đến ngày 29/12/2020 (07 ngày), với số tiền là 175.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), tương đương mức lãi suất 0.5%/ ngày (180%/năm). Mức lãi suất hợp pháp Trần Dũng C được hưởng theo quy định là: $5.000.000đ \times 0.05555\% \times 07 \text{ ngày} = 19.442 \text{ đồng}$ (*Mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*).

Số tiền lãi suất Trần Dũng C thu lợi bất chính là: $175.000đ - 19.442đ = 155.558 \text{ đồng}$ (*Một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm tám đồng*).

Quá trình Trần Dũng C đang nhận tiền do Kim Văn P trả thì bị tổ Công tác Công an huyện Tân Kỳ phát hiện nên đã tiến hành làm việc, đồng thời ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Dũng C thu giữ nhiều tài liệu, vật chứng liên quan hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Dũng C. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Kỳ tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đồng thời đưa Trần Dũng chi về trụ sở Công an huyện Tân Kỳ để điều tra làm rõ.

Qua điều tra đã xác định được tổng số tiền thu lợi bất chính của Trần Dũng C từ hành vi cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm) là: $13.533.448 \text{ đồng} + 7.466.671 \text{ đồng} + 37.000.600 \text{ đồng} + 155.558 \text{ đồng} = 58.156.277 \text{ đồng}$ (*Năm mươi tám triệu một trăm năm sáu nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Trần Dũng C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số: 19/ CT- VKS- TK ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An để xét xử bị cáo Trần Dũng Chi về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt chính: Tuyên bị cáo Trần Dũng C tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Dũng C từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

* Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 228.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu đồng*). Trong đó: Thu giữ số tiền vay của Nguyễn Công Q số tiền: 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu đồng*); thu giữ số tiền vay của Kim Văn P số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); thu giữ số tiền vay của Trần Văn C số tiền: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), số tiền này đã được nộp tại kho bạc Tân Kỳ; truy thu của Chu Văn B 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*); truy thu của bị cáo Trần Dũng C số tiền 43.000.000 đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*) tiền cắt lãi của khoản vay đối với Trần Công Q. Số tiền thu lợi bất chính là 3.219.323 đồng; trong đó số tiền 19.442 đồng Kim Văn P đã nộp trong số tiền 5.175.000 đồng đã được nộp tại kho bạc Tân Kỳ, nay còn phải truy thu của bị cáo Trần Dũng C số tiền 3.199.881 đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Dũng C phải trả số tiền thu lợi bất chính cho người vay anh Chu Văn B số tiền 13.533.448 đồng (*Mười ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn tám đồng*); trả cho anh Trần Văn C số tiền 7.466.671 đồng; trả cho anh Kim Văn P số tiền 155.558 đồng. Truy thu của bị cáo số tiền 21.000.119 đồng (*Hai mươi một triệu một trăm mười chín đồng*).

Số tiền 24.820.000 đồng (*Hai bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) bị cáo Trần Dũng C đã nộp hiện có tại Kho bạc Nhà nước huyện Tân Kỳ, được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với hành vi của Trần Dũng C cho Hồ Văn T, Trần Văn P và Thái Duy T vay tổng số tiền: 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*), với mức lãi suất 72%/năm cao hơn 3,6 lần so với lãi suất cho phép được quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Kỳ đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Dũng C về hành vi này là đúng quy định pháp luật.

*Về vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS; điểm b, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bao bì niêm phong bên trong gồm có:

- 01 (Một) cuốn sổ màu đỏ hồng, có viền màu xanh sổ đã qua sử dụng.
- Hợp đồng cầm đồ xe KIA CARENS với số tiền cầm là: 20.000.000 đồng

(Hai mươi triệu đồng). Giữa người cầm đồ là anh Chu Văn B và đại diện cửa hàng là anh Trần Dũng C.

- 01 (Một) tờ giấy in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ màu đỏ, có ghi Họ và tên khách hàng: Trần Văn C 1981.

- 01 (Một) mảnh giấy trắng kích thước (8.7x10.5)cm trên mảnh giấy có ghi các dòng chữ: Đã Đóng 1.200 (15.6 đã cắt lãi)..... Đã Đóng 1.200 (Tại cây xăng G Xuân).

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Hồ Văn T.

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Nguyễn Công Q, địa chỉ thường trú Tân Hương, Tân Kỳ, số tiền 180.000.000, bằng chữ “Một trăm tám mươi triệu đồng”. Thời hạn vay từ ngày 10.12.2020 đến ngày cầm 2 tháng (60) ngày.

- 02 (Hai) mảnh giấy màu trắng kích thước (10.4x14.7)cm trên các mảnh giấy có dòng chữ “Bảy” ký hiệu M1, M2.

- 01 (Một) mảnh giấy màu trắng kích thước (14.2x10)cm có ghi dòng chữ “Bảy” ký hiệu M3.

- 01 (Một) phong bì niêm phong kích thước (10x10.5)cm bên trong có 16 mảnh giấy màu hồng không rõ hình dạng, kích thước đã bị xé khi ghép các mảnh giấy lại là hóa đơn hợp đồng cầm đồ của Trần Dũng Chi với Kim Văn P.

Trả lại cho anh Chu Văn B: - 01 (Một) Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu bằng A0133856 do đại học sư phạm Hà Nội cấp cho Chu Văn B ngày 11/9/2008.

- 01 (Một) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục số hiệu: A000683 do Trường cao đẳng sư phạm Nghệ An cấp cho Chu Văn B ngày 21/3/2017.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp trung học chuyên Nghiệp số hiệu: C301010/GD - ĐT do Trường trung học sư phạm miền núi nghệ an cấp cho Chu Văn B ngày 11/12/1995.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số hiệu AB 572/PT90 do Sở giáo dục đào tạo tỉnh Nghệ An cấp cho Chu Văn B ngày 15/10/1992.

- 01 (Một) bằng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị số 01/2015 - SCLLCT do trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ cấp cho Chu Văn B ngày 17/7/2015.

- 01 (Một) Hợp đồng mua bán xe ô tô biên kiểm soát 37A- 06122; nhãn hiệu KIA CARENS; màu sơn vàng; số máy G4KABH398687; số khung 5212CC030526. Kèm theo bản pho to chứng minh mang tên Nguyễn Việt D và bản pho to chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019332 của xe biển số 37A - 061.22 tên chủ xe là Nguyễn Việt D (bản Photo không công chứng).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

buộc bị cáo Trần Dũng C chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Kỳ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Dũng Chi hoàn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo Viện kiểm sát đã truy tố không có khai nại gì khác, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18/12/2019 đến ngày 29/12/2020, tại Cửa hàng cầm đồ Dũng Chi thuộc xóm Tân Thái, xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ do Trần Dũng C là chủ sở hữu đã cho Chu Văn B, Trần Văn C, Nguyễn Công Q và Kim Văn P vay với tổng số tiền: 228.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu đồng*), với mức lãi suất từ 130 đến 180%/năm. Mức lãi suất cho vay cao hơn gấp 6,5 đến 09 lần mức lãi suất cao nhất cho phép được quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) và thu lợi bất chính tổng số tiền: 58.156.277 đồng (*Năm mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng*).

Tại Điều **201** Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mà trong giao dịch dân sự cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Hành vi trên đây của bị cáo Trần Dũng C đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang là vấn đề nhức nhối của T xã hội, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, xâm phạm đến tài sản của người khác làm kinh tế của họ kiệt quệ nhưng do hám lợi, nhằm mục đích thu lợi bất chính nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chính tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật. Vì vậy, cần có đường lối xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Song cũng cần xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Với các tình tiết nêu trên, thiết nghĩ cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ nghiêm.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

* Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội cho vay nặng lãi là 228.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu đồng*) tiền gốc, đối với số tiền gốc này có khoản tiền vay của anh Nguyễn Công Q là 180.000.000 đồng nhưng bị cáo C chỉ đưa cho anh Q 137.000.000 đồng và giữ lại 43.000.000 đồng tiền lãi của hai tháng. Số tiền lãi mà anh Chu Văn B, Cao Xuân L, Kim Văn P đã trả cho bị cáo là 24.375.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó lãi suất theo quy định của pháp luật là 3.219.323 đồng (*Ba triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm hai ba đồng*) và 21.155.677 đồng (*Hai mươi một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng*) là lãi suất bất hợp pháp. Trong tổng số tiền lãi có 175.000 đồng anh Kim Văn P đã nộp cho cơ quan điều tra và hiện tại đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Như vậy, số tiền phải truy thu ở bị cáo Trần Dũng C để sung công quỹ Nhà nước và trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: 43.000.000 đồng + 13.533.448 đồng + 7.466.671 đồng = 67.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Công Q đã tự nguyện nộp số tiền: 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*); Trần Văn Can nộp: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) là số tiền nợ gốc của Trần Dũng C, và Kim Văn P nộp số tiền: 5.175.000 đồng (*Năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) là số tiền nợ gốc và tiền lãi của Trần Dũng C; bị cáo Trần Dũng C đã nộp số tiền:

24.820.000 đồng (*Hai mươi tư triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*). Nay cần tiếp tục truy thu của bị cáo Trần Dũng C số tiền 42.380.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền phải sung vào công quỹ Nhà nước là 231.219.323 đồng (*hai trăm ba mươi một triệu, hai trăm mười chín nghìn, ba trăm hai ba đồng*) và buộc bị cáo Trần Dũng C phải trả số tiền thu lợi bất chính cho người vay: trả cho anh Chu Văn B số tiền 13.533.448 đồng (*Mười ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*); trả lại cho anh Cao Xuân L số tiền 7.466.671 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy một đồng*); trả lại cho anh Kim Văn P số tiền 155.558 đồng (*Một trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm tám đồng*).

Số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) anh Chu Văn B vay của bị cáo Trần Dũng C chưa trả cho bị cáo Chi, đây là phương tiện phạm tội của bị cáo Chi vì vậy cần truy thu từ anh Bảy để sung công quỹ Nhà nước.

* Về vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS; điểm b, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bao bì niêm phong bên trong gồm có:

- 01 (Một) cuốn sổ màu đỏ hồng, có viền màu xanh sổ đã qua sử dụng.
- Hợp đồng cầm đồ xe KIA CARENS với số tiền cầm là: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Giữa người cầm đồ là anh Chu Văn Bảy và đại diện cửa hàng là anh Trần Dũng Chi.

- 01 (Một) tờ giấy in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ màu đỏ, có ghi Họ và tên khách hàng: Trần Văn Can 1981.

- 01 (Một) mảnh giấy trắng kích thước (8.7x10.5)cm trên mảnh giấy có ghi các dòng chữ: Đã Đóng 1.200 (15.6 đã cắt lải)..... Đã Đóng 1.200 (Tại cây xăng G Xuân).

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Hồ Văn T.

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Nguyễn Công Q, địa chỉ thường trú Tân Hương, Tân Kỳ, số tiền 180.000.000, bằng chữ "*Một trăm tám mươi triệu đồng*". Thời hạn vay từ ngày 10.12.2020 đến ngày cầm 2 tháng (60) ngày.

- 02 (Hai) mảnh giấy màu trắng kích thước (10.4x14.7)cm trên các mảnh giấy có dòng chữ "Bảy" ký hiệu M1, M2.

- 01 (Một) mảnh giấy màu trắng kích thước (14.2x10)cm có ghi dòng chữ "Bảy" ký hiệu M3.

- 01 (Một) phong bì niêm phong kích thước (10x10.5)cm bên trong có 16 mảnh giấy màu hồng không rõ hình dạng, kích thước đã bị xé khi ghép các mảnh giấy lại là hóa đơn hợp đồng cầm đồ của Trần Dũng Chi với Kim Văn P.

Trả lại cho anh Chu Văn B: - 01 (Một) Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu bằng A0133856 do đại học sư phạm Hà Nội cấp cho Chu Văn B ngày 11/9/2008.

- 01 (Một) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục số hiệu: A000683 do Trường cao đẳng sư phạm Nghệ An cấp cho Chu Văn Bảy ngày 21/3/2017.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp trung học chuyên Nghiệp số hiệu: C301010/GD - ĐT do Trường trung học sư phạm miền núi nghệ an cấp cho Chu Văn B ngày 11/12/1995.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số hiệu AB 572/PT90 do Sở giáo dục đào tạo tỉnh Nghệ An cấp cho Chu Văn B ngày 15/10/1992.

- 01 (Một) bằng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị số 01/2015 - SCLLCT do trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ cấp cho Chu Văn B ngày 17/7/2015.

- 01 (Một) Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 37A- 06122; nhãn hiệu KIA CARENS; màu sơn vàng; số máy G4KABH398687; số khung 5212CC030526. Kèm theo bản pho to chứng minh mang tên Nguyễn Việt D và bản pho to chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019332 của xe biển số 37A - 061.22 tên chủ xe là Nguyễn Việt D. (bản Photo không công chứng).

(04) 01 (Một) mô tô, mang biển số: 37N1 - 183.81, xe có số máy HC12E715788; số khung 1257FY157849, kèm theo đăng ký xe mô tô, xe máy số 008584 mang tên Kim Văn P.

(05) 01 (Một) xe SIRIUS màu xám đen, nhãn hiệu YAMAHA, mang biển số: 37N1- 213.53, có số khung 3240GY006310; số máy E3X9E016991 xe đã qua sử dụng, kèm đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Bùi Ngọc Văn.

(06) 01 (Một) xe VISION màu đen xám, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát: 37N1- 213.53, có số khung 5832LY019413, số máy JF86E2298144, xe đã qua sử dụng. Kèm chứng minh nhân dân của Trần Thị L.

(07) 01 (Một) xe mô tô số loại AIRBLADE màu đen bạc, nhãn hiệu Honda mang biển kiểm soát: 37B1- 33.666, có số khung AY177084, số máy F27E0217130 xe đã qua sử dụng kèm theo đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị C, địa chỉ xóm 8, xã Nghĩa Thuận, thị xã Thái Hòa, Nghệ An.

(08) 01 (Một) xe ô tô TOYOTA FOTUNER, mang biển kiểm soát: 37A- 599.16 kèm theo một chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100589, tên chủ xe Nguyễn Công Q (1985), trú tại: Xóm 3 (nay xóm Tân Sơn), xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

(09) 01 (Một) xe mô tô WINNER màu xanh trắng, nhãn hiệu HONDA, mang biển kiểm soát: 37N1- 217.36, có số khung: RLHKC2609GY050636, số máy KC26E1079588.

(10) 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, mang biển kiểm soát: 37N1- 354.75 mang tên Hồ Văn T.

Các vật chứng từ khoản **(04)** đến khoản **(10)**, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho các sở hữu chủ là đúng quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo: Trần Dũng C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” .

2- Về điều luật áp dụng:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo: Trần Dũng C 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

***Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Sung công quỹ Nhà nước số tiền: 231.219.323 đồng (*hai trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm mười chín nghìn, ba trăm hai ba đồng*). Trong đó: số tiền 174.995.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) hiện đang có tại Kho bạc nhà nước huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận tài sản do cơ quan điều tra Công an huyện Tân Kỳ và Kho bạc Nhà nước huyện Tân Kỳ lập vào các ngày 30/9/2020 và ngày 16/10/2020. Tiếp tục truy thu của bị cáo Trần Dũng C số tiền 21.224.323 đồng (*Hai mươi mốt triệu, hai trăm hai bốn nghìn, ba trăm hai ba đồng*); Truy thu của Chu Văn B số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Dũng C phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay anh Chu Văn B số tiền 13.533.448 đồng (*Mười ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*); anh Cao Xuân L số tiền 7.466.671 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng*); anh Kim Văn P số tiền 155.558 đồng (*Một trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm tám đồng*).

***Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm b, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Chu Văn B: - 01 (Một) Bằng tốt nghiệp Đại học số hiệu bằng A0133856 do đại học sư phạm Hà Nội cấp cho Chu Văn B ngày 11/9/2008.

- 01 (Một) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục số hiệu: A000683 do Trường cao đẳng sư phạm Nghệ An cấp cho Chu Văn B ngày 21/3/2017.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp trung học chuyên Nghiệp số hiệu: C301010/GD - ĐT do Trường trung học sư phạm miền núi nghệ an cấp cho Chu Văn B ngày 11/12/1995.

- 01 (Một) Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học số hiệu AB 572/PT90 do Sở giáo dục đào tạo tỉnh Nghệ An cấp cho Chu Văn B ngày 15/10/1992.

- 01 (Một) bằng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị số 01/2015 - SCLLCT do trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ cấp cho Chu Văn B ngày 17/7/2015.

- 01 (Một) Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 37A- 06122; nhãn hiệu KIA CARENS; màu sơn vàng; số máy G4KABH398687; số khung 5212CC030526. Kèm theo bản pho to chứng minh mang tên Nguyễn Việt D và bản pho to chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019332 của xe biển số 37A - 061.22 tên chủ xe là Nguyễn Việt D. (bản Photo không công chứng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bao bì niêm phong bên trong gồm có:

- 01 (Một) cuốn sổ màu đỏ hồng, có viền màu xanh sổ đã qua sử dụng.

- Hợp đồng cầm đồ xe KIA CARENS với số tiền cầm là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Giữa người cầm đồ là anh Chu Văn B và đại diện cửa hàng là anh Trần Dũng C.

- 01 (Một) tờ giấy in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ màu đỏ, có ghi Họ và tên khách hàng: Trần Văn C 1981.

- 01 (Một) mảnh giấy trắng kích thước (8.7x10.5)cm trên mảnh giấy có ghi các dòng chữ: Đã Đóng 1.200 (15.6 đã cắt lãi)..... Đã Đóng 1.200 (Tại cây xăng Giai Xuân).

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Hồ Văn T.

- 01 (Một) tờ giấy có in dòng chữ HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ và ghi họ tên khách hàng Nguyễn Công Q, địa chỉ thường trú Tân Hương, Tân Kỳ, số tiền 180.000.000, bằng chữ “Một trăm tám mươi triệu đồng”. Thời hạn vay từ ngày 10.12.2020 đến ngày cầm 2 tháng (60) ngày.

- 02 (Hai) mảnh giấy màu trắng kích thước (10.4x14.7)cm trên các mảnh giấy có dòng chữ “Bảy” ký hiệu M1, M2.

- 01 (Một) mảnh giấy màu trắng kích thước (14.2x10)cm có ghi dòng chữ “Bảy” ký hiệu M3.

(03) 01 (Một) phong bì niêm phong kích thước (10x10.5)cm bên trong có 16 mảnh giấy màu hồng không rõ hình dạng, kích thước đã bị xé khi ghép các mảnh giấy lại là hóa đơn hợp đồng cầm đồ của Trần Dũng C với Kim Văn P.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/3/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ.

4- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Dũng C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều Điều 331 BLTTHS.

Bị cáo Trần Dũng C, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Tân Kỳ;
- VKSND huyện Tân Kỳ;
- Chi cục THADS Tân Kỳ;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương